

Ngành Đại học Sư phạm Lịch sử và Địa lý

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

I. Giới thiệu về ngành đào tạo

1. Là ngành đào tạo đội ngũ giáo viên chuyên giảng dạy Lịch sử và Địa lý tại các trường THCS theo chương trình giáo dục phổ thông mới, được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 (Lớp 6), 2022 – 2023 (lớp 7), 2023 – 2024 (lớp 8) và 2024 – 2025 (lớp 9).

2. Môn học này sẽ thay thế 2 môn học cũ (Lịch sử, Địa lý), với thời lượng 4 tiết/tuần.

3. Người học sẽ có đầy đủ phẩm chất và năng lực để thực hiện việc giảng dạy Lịch sử và Địa lý theo hướng tích hợp liên môn trong chương trình phổ thông mới.

4. Cơ hội việc làm

a) Giảng dạy môn “Lịch sử và Địa lý” ở trường THCS.

b) Có thể làm cán bộ, chuyên viên nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu về khoa học xã hội, lịch sử quân sự, lịch sử Đảng; làm phóng viên, biên tập viên cho các tạp chí, báo, đài phát thanh, truyền hình; làm hướng dẫn viên ở các trung tâm bảo tồn, bảo tàng, di tích lịch sử, văn hóa. Có khả năng làm công tác nghiên cứu tại các phòng, trung tâm, viện nghiên cứu về khoa học Địa lý, tài nguyên và môi trường, khoa học xã hội và nhân văn, quy hoạch lãnh thổ, nghiên cứu giáo dục, dự án dân số, đô thị hóa, phát triển nông thôn;

c) Có thể làm việc ở các cơ quan, tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội;

d) Có thể học lên trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới, địa lý tự nhiên, địa lý kinh tế - xã hội, lý luận và phương pháp dạy học lịch sử, địa lý.

5. Văn bằng đào tạo

a) Trình độ: CỬ NHÂN.

b) Ngành đào tạo: Sư phạm Lịch sử - Địa lý.

II. Tuyển sinh

1. Đối tượng tuyển sinh

a) Đối tượng 1: Thí sinh tốt nghiệp trình độ cao đẳng chuyên ngành SP Lịch sử, Địa lý (*đơn ngành hoặc hai chuyên ngành*).

b) Đối tượng 2: Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chuyên ngành SP Lịch sử, SP Địa lý.

c) Đối tượng 3: Thí sinh tốt nghiệp trình độ cao đẳng hoặc đại học chuyên ngành khác (không thuộc đối tượng 1 và đối tượng 2).

d) Đối tượng 4: Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông.

2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển/ thi tuyển.

III. Tổ chức đào tạo

1. Thời gian đào tạo

a) Đối tượng 1: 1,5 – 2,0 năm (dự kiến 40 tín chỉ).

b) Đối tượng 2: 1,5 – 2,0 năm (dự kiến 40 tín chỉ).

c) Đối tượng 3: 2,5 – 3,0 năm (dự kiến 70 – 80 tín chỉ).

d) Đối tượng 4: 4,5 năm (dự kiến 136 tín chỉ).

2. Hình thức đào tạo: vừa làm vừa học (*học kỳ I, học kỳ II (thứ bảy, chủ nhật) và học kỳ hè (tập trung)*).

3. Học phí đào tạo (*áp dụng đối với lớp có sĩ số từ 30 sinh viên trở lên*)

3.1. Đối với các lớp tại Trường Đại học Đồng Tháp

a) Năm thứ nhất (năm học 2022-2023)

- Đối tượng 1: 9.000.000đ/1 sinh viên.

- Đối tượng 2: 9.000.000đ/1 sinh viên.

- Đối tượng 3: 10.000.000đ/1 sinh viên.

- Đối tượng 4: 10.000.000đ/1 sinh viên.

b) Các năm học còn lại: thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 và các văn bản luật thay thế của Chính phủ.

3.2. Đối với các lớp liên kết đào tạo

a) Năm thứ nhất (năm học 2022-2023)

- Đối tượng 1: 10.000.000đ/1 sinh viên.

- Đối tượng 2: 10.000.000đ/1 sinh viên.

- Đối tượng 3: 11.000.000đ/1 sinh viên.

- Đối tượng 4: 11.000.000đ/1 sinh viên.

b) Các năm học còn lại: thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 và các văn bản luật thay thế của Chính phủ.